

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HS-ST
Ngày 20/03/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Văn Kiện**

2/ Bà **Nguyễn Hải Anh**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Trần Thị Như Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hoài Khanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 02 năm 2024 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ **Lê Văn N** (tên gọi khác: T), sinh ngày 10/9/1996 tại tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 4/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn N, sinh năm 1974 và bà Võ Thị T, sinh năm 1981; Vợ tên Lê Thị Thùy L, sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Có 01 tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên xử phạt 09 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2021/HS-ST ngày 12/3/2021 (chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 11 năm 2023 đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2/ **Danh Minh N1**, sinh ngày 02/7/2004 tại tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Danh N, sinh năm 1976 và bà Trương Thị P, sinh năm 1979; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 11 năm 2023 đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại:

- Anh Lê Văn T, sinh năm 1990 (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K.

- Anh Lê Xuân D, sinh năm 1985. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trương Thị P, sinh năm 1979. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K.

+ Chị Lê Thị Thùy L, sinh năm 1997. (*Có mặt*)

Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K.

- Người làm chứng: Anh Tào Văn T1, sinh năm 1994. (*Vắng mặt không lý do*)

Nơi cư trú: Nhà trọ T, ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn N và anh Lê Văn T quen biết nhau do cùng làm công nhân tại công ty cổ phần Thái Bình- Kiên Giang tại khu công nghiệp xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Khoảng tháng 8/2023, N gặp anh T nói rằng có người thuê N đánh vợ của anh T với giá 1.000.000 đồng nên N báo cho anh T biết, do sợ vợ bị đánh nên anh T nói với N nhờ thu xếp dùm rồi anh gửi cho N 3.000.000 đồng. Sau khoảng thời gian này, N thường xuyên gọi điện mượn tiền của anh T, có lúc anh T cho mượn, có lúc không. Đến khoảng thời gian ngày 07/11/2023, do anh T không có tiền đưa nên N mới gọi điện cho anh T nói là anh T đã thuê người chém N với giá 2.000.000 đồng nên N nói là “Tao chém chết mẹ mày”. Ngày 13/11/2023, N tiếp tục gọi điện cho anh T nói là anh T mới thuê 01 nhóm ở Giục Tượng chém N với giá 5.000.000 đồng và việc này N biết, N yêu cầu anh T phải ra tiền cả phê cho 02 nhóm để giải quyết việc anh T thuê người đánh N, anh T cho rằng không có thuê người đánh N nên không đưa tiền, N đe dọa gặp anh T ở đâu sẽ đánh ở đó. Do sợ bị N đánh nên anh T đồng ý hẹn gặp N ở quán cà phê để nói chuyện.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 13/11/2023, Lê Văn N đi cùng Danh Minh N1 đến quán cà phê gần nhà N thuộc ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K gặp anh T, anh Tào Văn T1 và anh Lê Xuân D (bạn làm chung với anh T), tại đây N nói cùng với N1 ăn uống hết 1.000.000 đồng với nhóm mà anh T đã thuê đánh N để giành xếp và N1 đã thanh toán số tiền trên nên yêu cầu anh T, anh T1, anh D trả tiền lại cho N1 do anh T, anh T1 và anh D hẹn ra nói chuyện nhưng không ra. Anh T không đồng ý đưa tiền nên N cầm ly uống nước bằng nhựa đập xuống bàn đe dọa; N1 thì cầm điện thoại đưa nên giả vờ nói “mấy anh qua đây mấy thằng này không chịu trả

tiền”; N nói: bên kia có chém, làm gì ráng chịu tôi không biết. Lúc này anh T xin về nhà kiểm tiền trả cho N1, N yêu cầu đến 18 giờ 30 phút cùng ngày phải đưa tiền cho N1, N1 nói “không đưa lại nhà trọ quậy”, N nói biết nhà trọ rồi, có gì tính với mấy anh. Lúc này anh T và anh D lấy ra 300.000 đồng đưa cho N và N1 rồi đi về.

Đến khoảng 08 giờ ngày 14/11/2023, N gọi cho anh D đòi 700.000 đồng còn lại, anh D nói phần tiền này anh D và anh T chia ra để trả và anh D nói sẽ chuyển khoản cho N nhưng anh D chưa chuyển. N tiếp tục gọi điện thoại cho anh T đòi tiền, anh T nói không có tiền nên N đe dọa chém anh T để lấy tiền, sợ bị N chém nên anh T đồng ý đưa tiền cho N và kêu N đến trước cổng Công ty Thái Bình-Kiên Giang để lấy tiền, N và N1 đến gặp anh T tại cổng Công ty Thái Bình-Kiên Giang nhận 400.000 đồng rồi quay về quán cà phê CA3 thì bị lực lượng Công an mời làm việc, qua kiểm tra phát hiện trên người N có 400.000 đồng nhận từ anh T.

- Về vật chứng:

+ 01 (một) xe mô tô biển đăng ký số 68S6 – 5250, nhãn hiệu Vecstar, màu xanh, số khung 02YVN0060902, số máy FMH0060902 (đã qua sử dụng).

+ Số tiền 400.000 đồng- tiền N nhận của anh T.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Người bị hại anh Lê Văn T và anh Lê Xuân D đã nhận lại tài sản và tiền khắc phục, do đó không có yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số: 31/CT-VKS ngày 27/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Lê Văn N và Danh Minh N1 về tội **“Cưỡng đoạt tài sản”** theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Lê Văn N và Danh Minh N1 về tội **“Cưỡng đoạt tài sản”**, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Danh Minh N1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành trao trả cho anh Lê Văn T số tiền 400.000 đồng; chị Lê Thị Thuỳ L 01 (một) xe mô tô biển đăng ký số 68S6 – 5250, nhãn hiệu Vecstar, màu xanh, số khung 02YVN0060902, số máy FMH0060902 (đã qua sử dụng).

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Các bị cáo được nói lời nói sau cùng, các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Lê Văn N cho rằng anh Lê Văn T là công nhân Công ty Thái Bình- Kiên Giang thuê người đánh mình nên kêu anh T phải ra tiền để giàn xếp nếu không N sẽ cho người đánh anh T. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 13/11/2023, N và Danh Minh N1 hẹn gặp anh Lê Văn T, anh Tào Văn T1, anh Lê Xuân D tại quán cà phê đầu đường vào nhà N tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K; tại đây N nói với anh T là đã ăn uống với nhóm bên kia hết 1.000.000 đồng và yêu cầu anh T trả lại, anh T không đồng ý nên N có hành vi đe dọa cho người đánh, N thì giả vờ gọi điện kêu người đến chém anh T. Do bị đe dọa nên anh T và anh D lấy 300.000 đồng ra đưa cho N và N1, số còn lại hẹn đưa sau. Khoảng 08 giờ ngày 14/11/2023, N tiếp tục gọi điện cho anh T và anh D để đòi tiền, nếu không đưa sẽ chém, do sợ bị đánh nên anh D nói sẽ chuyển khoản cho N, còn anh T thì hẹn N và N1 đến trước cổng Công ty Thái Bình- Kiên Giang đưa 400.000 đồng.

Đôi chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự quy định tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” như sau:

“Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”

Như vậy, căn cứ với quy định nêu trên thì hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” như đã viện dẫn.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây thiệt hại trực tiếp đến tài sản hợp pháp của những người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn làm cho những người bị hại hoang mang lo sợ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án, gây bất an cho người dân, tạo dư luận xấu trong xã hội.

Bản thân các bị cáo đều nhận thức được cưỡng đoạt tài sản của người khác là hành vi sai trái và sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu như cố ý vi phạm. Mặc dù nhận thức được hậu quả gây ra nhưng các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cùng

nhau phạm tội, cố ý dùng nhiều thủ đoạn để uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại anh Lê Văn T và anh Lê Xuân D. Bị cáo Lê Văn N mặc dù đã từng bị xử phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (chưa được xóa án tích) nhưng vẫn không thay đổi bản thân mà lại tiếp tục phạm tội; bị cáo Danh Minh N1 thì lại tiếp tay, giúp sức cho bị cáo N trong việc đe dọa những người bị hại. Do đó, HĐXX nghị án thảo luận, cần có mức án tương xứng và cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo nói riêng và nhằm phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo Lê Văn N có 01 tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là tái phạm.

Bị cáo Danh Minh N1 không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ:

Đối với bị cáo Lê Văn N: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có bà ngoại là người có công với Đảng và Nhà nước nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét cho bị cáo khi lượng hình là phù hợp.

Đối với bị cáo Danh Minh N1: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tích cực động viên gia đình khắc phục hậu quả cho người bị hại anh Lê Xuân D; bị cáo là người dân tộc thiểu số, việc am hiểu pháp luật còn hạn chế, nhân thân bị cáo tốt chưa có tiền án, tiền sự nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét cho bị cáo khi lượng hình là phù hợp.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về biện pháp tư pháp: Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã trao trả cho anh Lê Văn T số tiền 400.000 đồng; chị Lê Thị Thuỳ L 01 (một) xe mô tô biển đăng ký số 68S6 – 5250, nhãn hiệu Vecstar, màu xanh, số khung 02YVN0060902, số máy FMH0060902 (đã qua sử dụng) là phù hợp nên HĐXX ghi nhận.

[8] Về án phí: Xử buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng và tội danh:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Danh Minh N1 phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 14/11/2023.

Xử phạt bị cáo Danh Minh N1 01 (một) năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 14/11/2023.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành trao trả cho anh Lê Văn T số tiền 400.000 đồng; chị Lê Thị Thuý L 01 (một) xe mô tô biển đăng ký số 68S6 – 5250, nhãn hiệu Vecstar, màu xanh, số khung 02YVN0060902, số máy FMH0060902 (đã qua sử dụng).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử buộc các bị cáo Lê Văn N và Danh Minh N1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, người bị hại, NLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong